

## PHỤ LỤC SỐ 04

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn  
Năm báo cáo: 2016

#### I. Thông tin chung

##### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:4900101456
- Vốn điều lệ: 29.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:29.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 025 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.Tocolimex.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

##### *Quá trình hình thành và phát triển*

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ( sau đây gọi tắt là Công ty ). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 27/01/2016.

(ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

- Các sự kiện khác: Ngày 15/05/2015 bán 49,99% cổ phần tương đương với 14.787.400.000,đ vốn nhà nước tại Công ty cho công ty THHH Thảo viên và trở thành công ty cổ phần 100% vốn góp của các cổ đông.

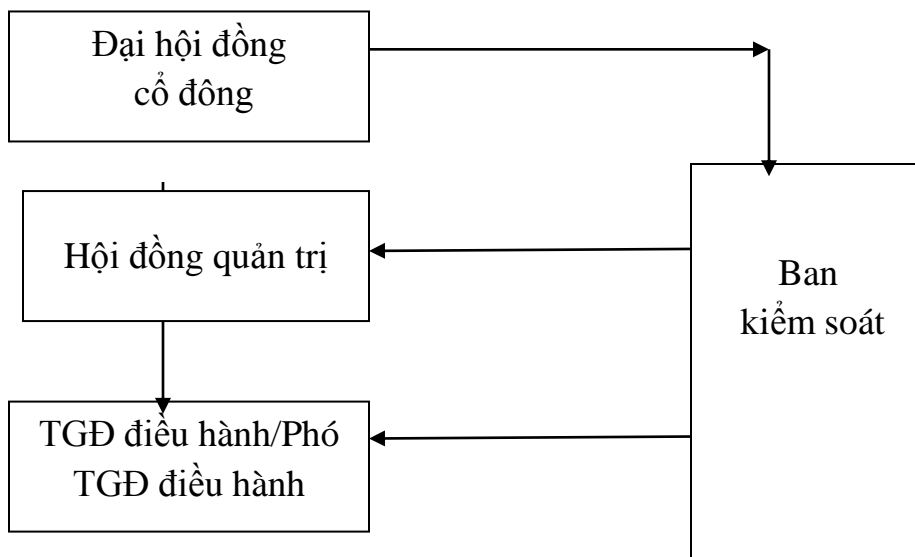
##### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm rượu Mẫu Sơn, kinh doanh thương mại

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn và các vùng lân cận.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

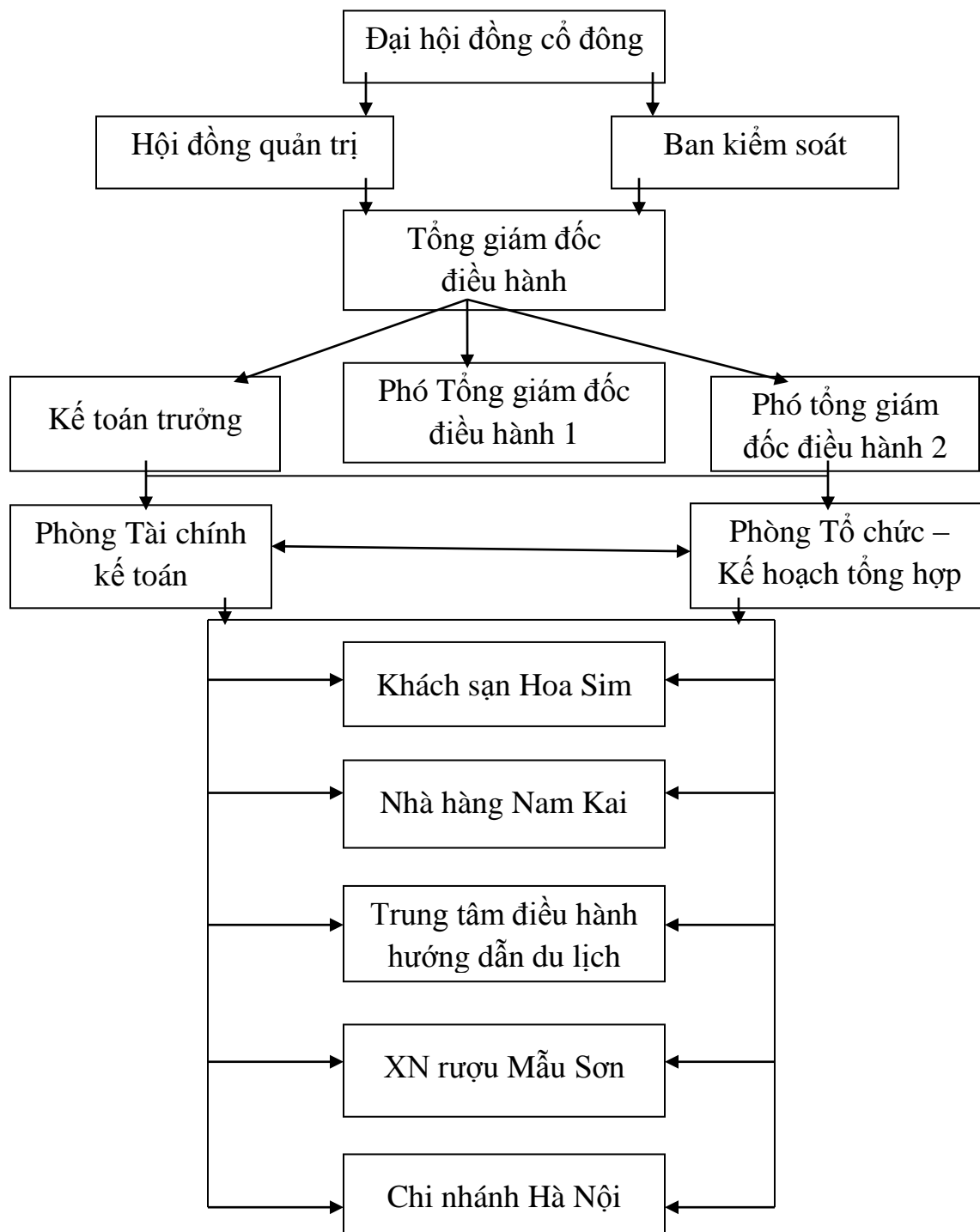
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 02 phó giám đốc và 01 kế toán trưởng

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:



Ngày 15/01/2016 Công ty tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đã thực hiện bầu lại Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2015-2020, kết quả Bà Nguyễn Kim Thảo được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty. Đồng thời biểu quyết Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc điều hành.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển và mở rộng các thương hiệu sản phẩm dịch vụ của công ty, tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề, đạt kết quả cao, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Mở rộng mô hình kinh doanh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

**5. Các rủi ro:** Công ty đóng trên địa bàn thuộc tỉnh biên giới giáp với Trung Quốc, khách quốc tế nhập cảnh chủ yếu là khách Du lịch Trung quốc và khách nội địa xuất cảnh của Việt Nam qua Công ty đến Trung quốc. Vì vậy, do ảnh hưởng của yếu tố khách quan và chủ quan nên lượng khách xuất nhập cảnh giảm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, nhất là mảng du lịch và dịch vụ khách sạn nhà hàng.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận năm 2016 không đạt, lỗ 1.212.816.493 đồng. Lý do: Công ty tiến hành cải tạo sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng khách sạn, nhà hàng và mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ cho kinh doanh, đến cuối năm 2016 mới hoàn thành nên chi phí tăng, chưa thu hồi được vốn và chưa có lợi nhuận.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2015	KH 2016	TH 2016	% TH/KH
1	Doanh Thu	18.653.385.412	30.170.866.000	17.773.996.995	58,91
2	Chi phí	16.700.708.435	29.770.340.000	19.140.703.249	64,29
3	Lợi nhuận	1.952.676.977	400.526.000	-1.372.706.254	

Kết quả kinh doanh năm 2016 lỗ, là do chi phí tăng. Cơ sở hạ tầng và công cụ dụng cụ của Công ty xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng được yêu cầu của thị trường, trong khi đó trên địa bàn Tỉnh Lạng Sơn các nhà hàng khách sạn mới mở ra dẫn đến khách đến Công ty sử dụng các dịch vụ giảm. Vì vậy bắt đầu từ tháng 04 năm 2016 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty tiến hành sửa chữa, nâng cấp và mở rộng cơ sở hạ tầng ( cải tạo khách sạn Tam Thanh cũ thành Nhà hàng San Hô, cải tạo nâng cấp Nhà hàng Hoa Sim ), mua sắm công cụ dụng cụ như bàn ghế, các đồ dùng của nhà bếp ... đến cuối năm 2016 cơ bản mới hoàn thành, nên chưa thu hồi được vốn và chưa có lợi nhuận

Mặt khác do thay đổi mô hình kinh từ công ty có vốn nhà nước sang công ty 100% vốn góp cổ đông, Ban lãnh đạo tổ chức sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo, củng cố lại thương hiệu, chất lượng các sản phẩm dịch vụ, điều chỉnh thay đổi lại các nhà cung cấp dịch vụ phù hợp với mô hình kinh doanh mới.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 04/2017:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc điều hành	1.509.280 ( người được ủy quyền đại diện nắm giữ phần vốn của Công ty TNHH Thảo Viên)	51,026
2	Nguyễn Khánh Dân	Nữ	1969	Số 78 Đường Phai Vệ, P. Đông Kinh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	0	
3	Vũ Mông Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	0	
4	Trần Việt Di	Nam	1962	Số 15, Ngõ 25 Đường Bà Triệu, P. Đông Kinh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	211.815	7,16
5	Lâm Bảo Kỳ	Nam	1962	Đài Loan, Trung Quốc. Tạm trú tại Thôn Nà Tâm, xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	53.760 Đại diện cho Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	1,82
6	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại,	Trưởng ban kiểm soát	0	

				TP Lạng Sơn			
7	Thân Kim Hạnh	Nữ	1975	Nhà B21 chung cư Khòn Lải, Đường Nguyễn Du, TP Lạng Sơn	UV BKS	0	
8	Bế Ngọc Tú	Nam	1977	Số 29, Phai Luông 7, Khối Hoàng Hoa Thám, Phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn	UV BKS, Trưởng phòng TC-KHTH	0	
9	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Phó Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	14.700	0,497
10	Phạm Đình Ban	Nam	1961	Số 12, Ngõ 8, Đường Nguyễn Du, TP Lạng Sơn	Phó Tổng Giám đốc Trung tâm điều hành HD Du lịch	17.065	0,577
10	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	0	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 15/01/2016 Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường bầu lại Hội đồng quản trị Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020, đồng thời biểu quyết Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc điều hành, do đó Bà Nguyễn Kim Thảo được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc điều hành. Ngày 31/03/2017 bổ nhiệm Ông Phạm Đình Ban giữ chức vụ Phó tổng giám đốc công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 85 người, người lao động được tạo việc làm và thu nhập ổn định, được Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định như bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, được tạo điều kiện để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không  
 b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	100.629.814.292	102.376.738.483	98,29
Doanh thu thuần	16.049.562.374	18.653.385.412	86,05
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2.039.984.663	-1.903.507.310	
Lợi nhuận khác	667.278.409	4.122.768.750	16,18
Lợi nhuận trước thuế	-1.372.706.254	2.219.261.440	
Lợi nhuận sau thuế	-1.372.706.254	1.952.676.977	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	6.29	8.22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	7.58	6.88	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	68	66.68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	207.35	200.1	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3.05	3.4	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.16	0.18	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0.05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.019	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần .....		-0.1	

### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.957.900 CP.

+ Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.948.570 CP ( Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 07/4/2017 của TTLK chứng khoán Việt Nam )

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 9.330CP ( Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 07/4/2017 của TTLK chứng khoán Việt Nam )

b) Cơ cấu cổ đông ( Theo DS tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 07/4/2017 của TTLK chứng khoán Việt Nam ):

Cổ đông lớn: 03 cổ đông, nắm giữ 2.471.095 CP chiếm 83,543%

Cổ đông nhỏ: 84 cổ đông, nắm giữ 486.805 CP chiếm 16,457%

Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 1.583.040 CP chiếm 53,52%

Cổ đông cá nhân: 84 cổ đông, nắm giữ 1.374.860 CP chiếm 46,48%

Cổ đông trong nước: 84 cổ đông, nắm giữ 2.134.140 chiếm 72,15

Cổ đông nước ngoài: 03 cổ đông, nắm giữ 823.760 chiếm 27,85%



Cổ đông nhà nước: Không

Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính chủ yếu là bình rượu Mẫu Sơn số lượng là 51.574 bình.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính, là rượu Mẫu Sơn sau khi bán cho khách hàng sử dụng rượu, được công ty thu mua lại vỏ bình ( chủ yếu là tại các khách sạn nhà hàng ) sau đó qua quy trình vệ sinh tái sử dụng lại : 9,7%

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thắp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 495.725.000 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *không*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có sáng kiến

### **6.3. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm 189.908.000 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không*

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Công ty luôn chấp hành và tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, vì vậy trong năm không bị xử phạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 04/2017 là: 85 người. Đa số các lao động đều được đào tạo và đáp ứng được công việc được giao. Mức lương trung bình đạt 4.200.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, lao động tuyển dụng được ký hợp đồng lao động, được công ty đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Người lao động trực tiếp đều được thăm khám sức khỏe định kỳ, môi trường làm việc được cải thiện, chống nóng, chống ồn, an toàn, vệ sinh. Hàng năm người lao động đều được nghỉ phép theo quy định. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện

nhu thăm hỏi khi ốm đau, trợ cấp khó khăn khi gia đình có người bệnh nặng, thăm hỏi tặng quà gia đình chính sách nhân các ngày lễ, tết, gia đình khó khăn bằng tiền hoặc hiện vật. Hàng năm phối hợp với công đoàn cơ sở đều tổ chức cho CBNV đi tham quan học tập kinh nghiệm ở địa phương khác ít nhất là 01 lần.

#### c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Khi Công ty tuyển dụng người lao động vào làm việc, đa số đều đã được đào tạo cơ bản, khi vào làm việc tại Công ty, công ty cử cán bộ có trình độ cao hướng dẫn trực tiếp cho người lao động đảm bảo làm được việc thì sẽ giao công việc chính, hoặc trong quá trình làm việc cơ quan nhà nước mở các đợt tập huấn phù hợp với công việc tại công ty thì sẽ cử cán bộ nhân viên tham dự. Các ngành nghề tại công ty chủ yếu là buồng, bàn, bếp, lễ tân, sản xuất rượu (chiết rót), bán hàng, số ngày đào tạo hướng dẫn thường từ 3-5 ngày/người; lao động gián tiếp như kế toán 10-15 ngày/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Người lao động trong quá trình làm việc luôn được công ty tự đào tạo và đào tạo lại đảm bảo thực hiện tốt công việc được giao, người lao động có việc làm ổn định. Trong quá trình làm việc Công ty nhận thấy người lao động có năng lực, có chí tiến thủ và tố chất trở thành người quản lý, công ty sẽ hướng dẫn tạo điều kiện để người lao động tham gia học tập nâng cao trình độ và bổ nhiệm các chức danh quản lý trưởng phó các chi nhánh trực thuộc.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty quan tâm đến các hoạt động công đồng tại địa phương do địa phương phát động như ủng hộ giải bóng đá các câu lạc bộ - Bảo Long do Lạng Sơn tổ chức; ủng hộ các hoạt động của Hiệp hội du lịch và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn, ủng hộ quỹ nghĩa tình đồng đội và xây dựng nhà tình nghĩa của cựu Thanh niên xung phong, đặc biệt là trao học bổng cho con em xã Công Sơn đỡ đại học hàng năm trong thời gian 10 năm giai đoạn 2013 - 2022 ( đây là vùng nguyên liệu chính công ty đang ký hợp đồng mua rượu nguyên liệu để sản xuất Rượu Mẫu Sơn ); và các quỹ khác, tổng số tiền là 45.300.000 đ,

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động trong lĩnh vực chính như du lịch, dịch vụ khách sạn – nhà hàng, sản xuất rượu Mẫu Sơn. Ngày từ đầu năm Ban giám đốc công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo các đơn vị chi nhánh trực thuộc thực hiện. Tuy nhiên do chuyển đổi từ doanh nghiệp có vốn nhà nước sang doanh nghiệp 100% vốn của cổ đông cán bộ quản lý chưa bắt kịp với sự đổi mới, cơ sở hạ tầng xuống cấp, công cụ dụng cụ hỏng hóc, chất lượng dịch vụ không đáp ứng được thị hiếu khách hàng, đến giữa năm Hội đồng quản trị và Ban giám đốc quyết định đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở, nâng cao chất lượng dịch vụ, mua sắm công cụ dụng cụ ( không nằm trong kế hoạch SXKD ), đến cuối năm cơ bản mới hoàn thành. Vì vậy, kết quả kinh doanh cả năm 2016 lỗ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Đến nay, cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

## 2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2016 là 100.629.814.292 đồng ( Một trăm tỷ, sáu trăm hai chín triệu, tám trăm mười bốn nghìn, hai trăm chín hai đồng )

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2015	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	20.533	28.765	(8.232)
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.202	4.925	7.277
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000	16.350	(15.350)
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	3.008	2.687	321
	- Hàng tồn kho	4.221	4.689	(468)
	- Tài sản ngắn hạn khác	0	111	(111)
2	Tài sản dài hạn	80.096	73.611	6.485
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	800	500	300
	- Tài sản cố định	12.856	7.999	4.857
	- Tài sản dở dang dài hạn	10	0	10
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	64.822	64.822	0
	- Tài sản dài hạn	1.906	288	1.618
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>100.629</b>	<b>102.376</b>	<b>(1.678)</b>

Tài sản tăng so với đầu năm chủ yếu:

- 1) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn tăng do: chuyển từ tiền gửi dài hạn sang gửi ngắn hạn.
- 2) Các khoản phải thu dài hạn, tài sản cố định, tài sản dở dang dài hạn, tài sản dài hạn tăng do: do đầu tư sửa chữa lớn Nhà hàng Hoa Sim và cải tạo KS Tam Thanh cũ thành nhà hàng San Hồ

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2016 là: 3.265.717.873 đồng ( ba tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, tám trăm bảy ba đồng ). Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, lãnh đạo quản lý, bộ máy văn phòng tinh giản đáp ứng được yêu cầu công việc hiện nay. Chế độ lương ổn định phù hợp với từng chức vụ công việc được giao.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty có kế hoạch cải tạo nâng cấp Khách sạn Hoa Sim, nâng cấp từ 2 sao lên 3 sao, lắp đặt hệ thống thang máy, xây dựng thêm một tầng để bố trí văn phòng làm việc của công ty.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần.**

Ý kiến của kiểm toán viên về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính năm 2016, của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn như sau “Vào ngày

31/12/2016, công ty không tổ chức cho chúng tôi tham gia chứng kiến kiểm kê hành tồn kho và tại thời điểm kiểm toán công ty cũng không bố trí được lịch kiểm kê. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đưa ra ý kiến của chúng tôi về số lượng hành tồn kho ( với giá trị là 4.221.656.777 đồng) để xác định được ảnh hưởng ( nếu có) của vấn đề trên đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ”.

Giải trình của Ban giám đốc như sau: Do kho chúng tôi ở nhiều nơi và tại ngày 31/12/2016 công ty có nhiều việc giải quyết nên chúng tôi không bố trí đủ nhân lực để kiểm kê. Với lại, khoản hàng tồn kho này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản công ty. Tuy nhiên chúng tôi sẽ rút kinh nghiệm cho các năm sau.

## **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, Du lịch trong nước và quốc tế; sản xuất rượu Mẫu Sơn. Môi trường trong sạch ổn định rất quan trọng đối với công ty, Công ty luôn quán triệt người lao động phải bảo vệ môi trường tại nơi ở, nơi làm việc và nơi đến, người lao động chấp hành nghiêm túc. Công ty thực hành tiết kiệm điện, nước, phân loại rác thải xử lý đúng quy định của Công ty môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động ký hợp đồng từ 3 tháng trở lên đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, người lao động được tham gia các tổ chức đoàn thể như tổ chức đảng, công đoàn và đoàn thanh niên. Thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ người lao động lúc gặp khó khăn, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí như giao lưu văn nghệ, thể thao, tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm nhân dịp ngày 08/3, 20/10 ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ... tạo không khí phấn khởi trong người lao động, tái tạo sức lao động để công hiến cho công ty góp phần vào sự phát triển của Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nhưng Công ty vẫn tham gia các hoạt động cộng đồng xã hội góp phần nhỏ bé vào xây dựng quê hương, đặc biệt là từ năm 2013 Công ty đã ký bản giao ước với Xã Công Sơn – Huyện Cao Lộc – Tỉnh Lạng Sơn ( thời gian thực hiện 10 năm ), hàng năm nếu con em của Xã Công Sơn đỗ đại học thì Công ty sẽ cấp học bổng và thưởng hàng năm cho các em học đến khi ra trường, nếu ngành nghề phù hợp thì sẽ tuyển dụng vào làm việc tại công ty, tạo sự gắn kết với bà con địa phương.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Năm 2016 là năm công ty thực hiện kinh doanh theo mô hình mới 100% vốn góp của cổ đông, trong hoạt động điều hành đôi khi còn chưa nắm bắt kịp sự đổi mới. Là năm chủ yếu tập trung vào giải quyết các vấn đề nhân sự, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công cụ dụng cụ, củng cố thương hiệu và chất lượng dịch vụ sản phẩm, nên từng bước đã tạo được sự tin tưởng của khách hàng, mặc dù kết quả chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Về nhân sự: Tại đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 15/01/2016 đã bầu các thành viên hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2015-2020 gồm 05 người, trong đó tái cử là 02 người, bầu bổ sung 03 người, 05 thành viên cũ không tái cử, bầu lại thành viên ban kiểm soát 03 người. Tại kỳ họp phiên

thứ nhất đã bầu bà Nguyễn Kim Thảo giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Đỗ Thu Huyền giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát.

Sắp xếp bổ nhiệm lại bộ máy cán bộ quản lý các phòng ban chi nhánh của công ty.

- Về sản xuất kinh doanh: Tích cực chỉ đạo các đơn vị trong công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân chính là công ty đầu tư cải tạo sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ cho kinh doanh chưa thu hồi được vốn.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn quan tâm và thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với môi trường, điển hình là trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với xã hội Công ty thực hiện tốt các hoạt động do địa phương phát động như ủng hộ các hoàn cảnh kém may mắn, hay ủng hộ bằng tiền đối các hoạt động phong trào văn hóa thể dục thể thao của địa phương. Trao học bổng cho con em Cã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học ...

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Năm 2016 mặc dù gặp nhiều khó khăn, kế hoạch SXKD năm 2016 không được đại hội đồng cổ đông thông qua do chưa đạt tỷ lệ biểu quyết nhất trí 65% ( theo Điều lệ Công ty qui định), cơ sở vật chất các đơn vị nhiều năm chưa được tu bổ tôn tạo thường xuyên nên đã xuống cấp, Ban giám đốc đã chủ động, tích cực triển khai các nghị quyết do HĐQT ban hành, mặc dù kết quả kinh doanh lỗ nhưng đã đạt được những thành quả nhất định. Cơ sở vật chất đã được đầu tư cải tạo sửa chữa, tinh thần thái độ làm việc của CBNV đã được đổi mới theo hướng tích cực, chất lượng dịch vụ phục vụ được nâng lên.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp. Tiếp tục sửa đổi bổ sung nội quy quy chế phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, nâng cao trình độ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty.

Duy trì các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu đề ra.

Duy trì chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Tiếp tục duy trì chính sách phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bổ sung cán bộ quản lý kế cận, ổn định việc làm, thu nhập, đời sống và thực hiện các chế độ theo quy định cho người lao động trong công ty, có chính sách thu hút người tài vào làm việc cho công ty.

Thực hiện cải tạo nâng cấp Khách sạn Hoa sim từ khách sạn 2 sao thành khách sạn 3 sao; phát triển thương hiệu Tocolimex, thương hiệu rượu Mẫu Sơn, các sản phẩm dịch vụ du lịch. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội.

**V. Quản trị công ty** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này.

### **1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2016 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP có	Ghi chú
-----	-----------	---------	-----------------------	----------------	---------

				<b>quyền biểu quyết (%)</b>	
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	1.509.280	51,026	Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên
2	Nguyễn Khánh Dân	Ủy viên HĐQT	0		Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	0		Thành viên độc lập không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)
4	Trần Việt Di	Ủy viên HĐQT	211.815	7,16	Thành viên độc lập không điều hành ( Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP quốc tế Lạng Sơn)
5	Lâm Bảo Kỳ	Ủy viên HĐQT	53.760	1,82	Thành viên độc lập không điều hành ( Chủ tịch HĐQT Công ty CP quốc tế Lạng Sơn)

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

<b>STT</b>	<b>Ngày tháng năm họp</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kết quả</b>
1	15/01/2016	Họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 lần II	Biên bản số 05/BB-HĐQT
2	15/01/2016	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 lần II	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT
3	15/01/2016	Họp hội đồng quản trị phiên họp thứ nhất nhiệm kỳ 2015-2020	Biên bản số 01/BB-HĐQT
4	20/01/2016	Họp v/v phê duyệt tạm trích quỹ phúc lợi năm 2015; bổ nhiệm chức vụ thư ký công ty; phê duyệt chi phụ cấp cho HĐQT, BKS và thư ký công ty; phê duyệt dỡ bỏ hạn chế chuyển nhượng cổ phần; bổ nhiệm ông Đậu Trường Sinh phó tổng giám đốc kiêm giám đốc khách sạn Hoa sim; xây dựng thang bảng lương và phụ cấp năm 2016; thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty	Biên bản số 11/BB-HĐQT
5	20/01/2016	Gỡ bỏ hạn chế chuyển nhượng cổ phần của toàn thể cổ đông, cán bộ nhân viên, người lao động tại công ty.	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT
6	25/2/2016	Họp v/v triển khai công tác tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2016; đầu tư lắp đặt thang máy tại Khách Sạn Hoa Sim; Đầu tư cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa Sim và xây công trụ sở Công ty; đầu tư mua xe ô tô; thay đổi cơ cấu tổ chức văn phòng Công ty;	Biên bản số 25/BB-HĐQT

		thay đổi nhân sự của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn tham gia làm thành viên HĐQT tại Công ty CP quốc tế Lạng Sơn; Xin ý kiến Sửa đổi Điều lệ Công ty.	
7	25/02/2016	Tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2016	Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT
8		Thay đổi người đại diện vốn Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn tại Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT
9	29/3/2016	Họp thông qua các dự thảo văn kiện, báo cáo, nội dung chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016	Biên bản số 40/BB-HĐQT
10	03/4/2016	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016	Biên bản số 43/BB-HĐQT
11	03/4/2016	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016	Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT
12	20/4/2016	Biên bản Tổng hợp kết quả lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên hội đồng quản trị và thành viên ban kiểm soát Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, v/v thay đổi nhân sự đại diện Công ty tham gia đảm nhiệm các chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành tại Công ty cổ phần quốc tế Lạng Sơn	Biên bản số 54/BB-HĐQT
13	27/4/2016	Biên bản Tổng hợp kết quả lấy ý kiến bằng văn bản lần 2 của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, v/v thay đổi nhân sự đại diện Công ty tham gia đảm nhiệm các chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành tại Công ty cổ phần quốc tế Lạng Sơn	Biên bản số 55A/BB-HĐQT
14	27/4/2016	Cử người đại diện Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn để tham gia đảm nhiệm các chức vụ trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc điều hành Công ty cổ phần quốc tế Lạng Sơn	Nghị quyết số 55B/NQ-HĐQT
15	10/5/2016	Họp xem xét phương án đầu tư kinh doanh nhà hàng hải sản tại khách sạn Tam thanh cũ, xem xét; xem xét giải thể chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Biên bản số 62/BB-HĐQT
16	26/05/2016	Biên tổng hợp kết quả lấy ý kiến của của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, v/v ký hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa sim	Biên bản số 65/BB-HĐQT

17	06/6/2016	Biên tổng hợp kết quả lát ý kiến lần 2 của của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn, v/v ký hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa sim	Biên bản số 69/BB-HĐQT
18	06/6/2016	Nghị quyết v/v ký hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa sim	Nghị quyết số 70/NQ-HĐQT
19	29/9/2017	Họp thông qua phương án đầu tư cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa Sim ( xem xét thông qua phương án thiết kế kỹ thuật ( hồ sơ kỹ thuật thi công ), dự toán chi phí và phươn g án kinh tế kỹ thuật công trình cải tạo, nâng cấp khách sạn Hoa Sim )	Biên bản số 88/BB-HĐQT
20	10/10/2016	Họp thông qua phương án đầu tư cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa Sim	Biên bản số 90/BB-HĐQT ( Cuộc họp không thành công vì không đủ số lượng thành viên dự họp )
21	15/10/2016	Họp thông qua phương án đầu tư cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa Sim ( hồ sơ kỹ thuật thi công, dự toán chi phí xây dựng cải tạo khách sạn Hoa Sim, Phương án kinh tế kỹ thuật công trình cải tạo nâng cấp khách sạn Hoa Sim và phương án kinh tế kỹ thuật công trình cải tạo, nâng cấp khách sạn Hoa Sim )	Biên bản số 93/BB-HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong: Không có

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
2	Thân Kim Hạnh	Ủy viên ban kiểm soát	0	0	
3	Bế Ngọc Tú	Ủy viên ban kiểm soát	0	0	



b) Hoạt động của Ban kiểm soát : Năm 2016 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các đơn vị chi nhánh trực thuộc Công ty trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát việc triển khai thực hiện công tác hạch toán kế toán, giám sát quy trình quản lý tài chính, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo sơ kết quả của Công ty

Trong năm Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị ( như nêu tại mục c.1.V )

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích tại thời điểm 31/12/2016:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Lương và các khoản phụ cấp</b>	<b>Thưởng</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Lợi ích</b>	<b>Cộng</b>
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc	171.049.079	0	0	0	171.049.079
2	Nguyễn Khánh Dân	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc XNR	55.841.838	0	0	0	55.841.838
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	18.000.000	0	0	0	18.000.000
4	Trần Việt Di	Ủy viên HĐQT	18.000.000	0	0	0	18.000.000
5	Lâm Bảo Kỳ	Ủy viên HĐQT	18.000.000	0	0	0	18.000.000
6	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	14.400.000	0	0	0	14.400.000
7	Bế Ngọc Tú	Ủy viên BKS, Trưởng phòng TC-KHTH	125.044.063	0	0	0	125.044.063
8	Thân Kim Hạnh	Ủy viên BKS	30.000.000	0	0	0	30.000.000
9	Đậu Trường Sinh	Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	162.164.473	0	0	0	162.164.473
10	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	123.163.439	0	0	0	123.163.439
	<b>Tổng cộng</b>		<b>735.662.592</b>				<b>735.662.592</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội :

Trong năm 2016 cổ đông nội bộ thực hiện giao dịch bán cổ phần gồm:

1. Ông Bé Ngọc Tú – Thành viên ban kiểm soát bán CP, số cổ phần hiện nay bằng 0.
2. Ông Lê Văn Do – Kế toán trưởng thực hiện bán CP, số cổ phần hiện nay bằng 0.
3. Công ty TNHH thảo viên ( người đại diện là Bà Nguyễn Kim Thảo ) thực hiện mua bán CP, Số cổ phần tại thời điểm 11/3/2016 là 1.564.030 CP đến thời điểm 07/4/2017 là 1.509.280CP. ( danh sách chốt cổ đông của Trung tâm lưu ký chứng khoán )

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo quy định.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT- BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2017*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**

**Phó giám đốc**

Đã ký

**Đỗ Thị Hương**

*Giấy CNDKHN nghề kiểm toán số 0967-2013-071-1*

Chữ ký được ủy quyền

**Kiểm toán viên**

Đã ký

**Nguyễn Thị Ngọc Nga**

*Giấy CNDKHN nghề kiểm toán số 0351-2015-071-1*

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>20,533,151,319</b>	<b>28,765,246,977</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>12,302,710,621</b>	<b>4,925,996,507</b>
111	1. Tiền	V.1	1,802,710,621	1,425,996,507
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	10,500,000,000	3,500,000,000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>1,000,000,000</b>	<b>16,350,000,000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	1,000,000,000	16,350,000,000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3,008,783,921</b>	<b>2,698,386,174</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	907,191,000	851,950,755
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	1,326,198,000	1,201,448,000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	775,394,921	644,987,419
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>4,221,656,777</b>	<b>4,689,951,905</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4,221,656,777	4,689,951,905
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>100,912,391</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	100,912,391
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>80,096,662,973</b>	<b>73,611,491,506</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.8	500,000,000	500,000,000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>12,856,322,689</b>	<b>7,999,840,592</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	12,856,322,689	7,999,840,592
222	- Nguyên giá		25,333,299,499	20,480,025,346
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12,476,976,810)	(12,480,184,754)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
228	- Nguyên giá		97,500,000	97,500,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97,500,000)	(97,500,000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>10,909,092</b>	<b>-</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	10,909,092	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>64,822,821,897</b>	<b>64,822,821,897</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.12	64,622,821,897	64,622,821,897
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.13	200,000,000	200,000,000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1,906,609,295</b>	<b>288,829,017</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	1,906,609,295	288,829,017
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>100,629,814,292</b>	<b>102,376,738,483</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>67,888,539,770</b>	<b>68,262,757,707</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3,265,717,873</b>	<b>3,497,935,810</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	2,435,057,505	2,138,646,317
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	85,947,073	301,234,235
314	4. Phải trả người lao động	V.17	336,713,770	340,766,969
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	213,469,934	416,961,701
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	120,000,000	-
322	12. Lợi		74,529,591	300,326,588
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>64,622,821,897</b>	<b>64,764,821,897</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	64,622,821,897	64,764,821,897
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>32,741,274,522</b>	<b>34,113,980,776</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>32,741,274,522</b>	<b>34,113,980,776</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29,579,000,000	29,579,000,000
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu		29,579,000,000	29,579,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(91,210,454)	(91,210,454)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3,474,147,734	3,474,147,734
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(220,662,758)	1,152,043,496
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1,152,043,496	(590,633,481)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(1,372,706,254)	1,742,676,977
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>100,629,814,292</b>	<b>102,376,738,483</b>

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

*DVT: VND*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>16,049,562,374</b>	<b>18,653,385,412</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>16,049,562,374</b>	<b>18,653,385,412</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	12,851,294,765	16,117,183,493
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>3,198,267,609</b>	<b>2,536,201,919</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	930,701,230	1,014,394,080
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		284,504,002	207,470,570
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	2,293,586,704	1,044,812,270
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	3,875,366,798	4,409,291,039
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2,039,984,663)</b>	<b>(1,903,507,310)</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.6	793,733,391	4,303,379,849
32	12. Chi phí khác	VI.7	126,454,982	180,611,099
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>667,278,409</b>	<b>4,122,768,750</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(1,372,706,254)</b>	<b>2,219,261,440</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	-	266,584,463
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(1,372,706,254)</b>	<b>1,952,676,977</b>
<b>70</b>	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.9	<b>(464)</b>	<b>660</b>
<b>71</b>	<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	VI.10	<b>(464)</b>	<b>660</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		15,247,651,126	20,013,972,612
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(12,424,563,186)	(13,974,932,804)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3,761,231,603)	(3,104,249,172)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(50,180,463)	(216,404,000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9,411,299,360	1,409,178,744
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11,924,911,879)	(3,767,359,781)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3,501,936,645)</b>	<b>360,205,599</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5,725,532,542)	(58,600,000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		396,818,182	2,983,988,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(2,000,000,000)	(19,662,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17,350,000,000	19,706,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		879,365,119	1,014,394,080
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>10,900,650,759</b>	<b>3,983,782,080</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		1,003,500,000	650,000,000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1,025,500,000)	(1,827,000,000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-

<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(22,000,000)</b>	<b>(1,177,000,000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>7,376,714,114</b>	<b>3,166,987,679</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>4,925,996,507</b>	<b>1,759,008,828</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>12,302,710,621</b>	<b>4,925,996,507</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý du lịch (mã ngành 7911 Chính);
- Điều hành tua du lịch (mã ngành 7912);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (mã ngành 1101);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là (mã ngành 5510);

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2016 đơn vị đã xây dựng hoàn thành công trình nhà hàng San Hồ, sửa chữa cải tạo các công trình thuộc nhà hàng Hoa Sim.

**6. Cấu trúc Công ty**

Các chi nhánh không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch – Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn;	Số 9, đường Trần Hưng Đạo, P. Chi Lăng, TP. Lạng Sơn
- Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn;	Số 54, Lương Văn Chi, P. Hoàng Văn Thụ, Tp.Lạng Sơn
- Khách sạn Hoa Sim - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn;	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, P. Chi Lăng, TP. Lạng Sơn
- Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn;	Số 88, đường Bắc Sơn, P. Hoàng Văn Thụ, Tp.Lạng Sơn
- Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại Hà Nội;	Số 2, ngõ 54, Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.



## **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 85 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 85 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính** ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

##### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 11. **Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

## 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

## 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (rượu, nhà hàng...)***

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ (lữ hành, thuê buồng ngủ,...)***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **16. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển. (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.720 VND.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (Ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá 1USD = 22.790 VND.

## 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**

**1. Tiền**

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.1	Tiền mặt	618.021.307	455.058.870
1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.184.689.314	970.937.637
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.802.710.621</b>	<b>1.425.996.507</b>

**1.2 Tiền gửi ngân hàng**

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.2	Tiền Việt Nam	1.184.689.314	970.937.637
1.2.1	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn</i>	<i>1.166.505.734</i>	<i>704.316.939</i>
1.2.2	<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lạng Sơn</i>	<i>17.260.580</i>	<i>266.620.698</i>
1.2.3	<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Lạng Sơn</i>	<i>923.000</i>	<i>-</i>
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.184.689.314</b>	<b>970.937.637</b>

**2. Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
2.1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn	10.500.000.000	3.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.500.000.000</b>	<b>3.500.000.000</b>

**3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn theo hợp đồng tiền gửi số 18/704627/HDTG ngày 05/12/2016. Thời gian gửi 6 tháng; Lãi suất 5,3%/năm.

#### 4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>907.191.000</b>	<b>851.950.755</b>
Công ty Điện Lực Lạng Sơn	144.000.000	-
Công ty TNHH Trọng Tín	77.745.000	12.825.000
Công ty TNHH MTV TTTT Đường sắt Đà Nẵng	-	201.751.000
Các đối tượng khác	685.446.000	637.374.755
<b>Cộng</b>	<b>907.191.000</b>	<b>851.950.755</b>

#### 5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho các đối tượng khác</b>	<b>1.326.198.000</b>	<b>1.201.448.000</b>
Công ty TNHH Kiểm trúc ATH	90.000.000	-
Công ty TNHH Anh Quốc	81.500.000	-
Hoàng Phúc Trình	33.120.000	33.120.000
Các đối tượng khác (*)	1.121.578.000	1.168.328.000
<b>Cộng</b>	<b>1.326.198.000</b>	<b>1.201.448.000</b>

(\*) Là khoản tạm ứng trước cho người nông dân để thu mua rượu.

#### 6. Phải thu ngắn hạn khác

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
6.1	Tạm ứng	161.519.000	10.500.000
6.2	Phải thu ngắn hạn khác	613.875.921	634.487.419
<b>Tổng cộng</b>		<b>775.394.921</b>	<b>644.987.419</b>

## 6.1 Tạm ứng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tạm ứng cho các bên liên quan</b>	<b>161.519.000</b>	<b>10.500.000</b>
Bế Ngọc Tú	150.928.100	-
Bế Thị Thu Hương	10.590.900	8.500.000
Đậu Trường Sinh	-	2.000.000
<b>Tạm ứng cho đối tượng khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>161.519.000</b>	<b>10.500.000</b>

## 6.2 Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nguyên liệu rượu đầu vào	503.893.257	504.364.762
Phải thu khác	109.982.664	130.122.657
<b>Cộng</b>	<b>613.875.921</b>	<b>634.487.419</b>

## 7. Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	2.578.159.490	-	2.540.336.035	-
7.2	Thành phẩm	376.822.184	-	586.876.253	-
7.3	Hàng hóa	1.266.675.103	-	1.562.739.617	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>		<b>4.221.656.777</b>	<b>-</b>	<b>4.689.951.905</b>	<b>-</b>

### 7.1 Nguyên liệu, vật liệu

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu để đóng rượu như: Chai thủy tinh nút bi nhập khẩu và một số nguyên liệu khác...

### 7.2 Thành phẩm

Là giá trị rượu sản xuất còn tồn trong năm.

### 7.3 Hàng hóa

Là giá trị các đồ điện tử như bản mạch,... ở chi nhánh Hà Nội.

### 8. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Lạng Sơn.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tại phụ lục số 01.

### 10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán của đơn vị.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản

Chi tiết gồm:	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>4.141.110.543</b>	<b>4.130.201.451</b>	<b>10.909.092</b>
<i>Xây dựng cửa hàng rượu Mẫu Sơn</i>	-	386.061.650	386.061.650	-
<i>Sửa chữa lớn Nhà Hàng San Hồ</i>	-	1.851.926.674	1.851.926.674	-
<i>Nhà Hàng Hoa Sim</i>	-	1.892.213.127	1.892.213.127	-
<i>Sửa chữa nhà vòm Khách sạn Hoa Sim</i>	-	10.909.092	-	10.909.092
<b>Cộng</b>		<b>4.141.110.543</b>	<b>4.130.201.451</b>	<b>10.909.092</b>

## 12. Đầu tư vào công ty liên doanh

Chi tiết gồm:	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòn g	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòn g	Giá trị hợp lý
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn(*)	64.622.821.89 7	-	64.622.821.89 7	64.622.821.89 7	-	64.622.821.89 7
<b>Cộng</b>	<b>64.622.821.89 7</b>	<b>-</b>	<b>64.622.821.89 7</b>	<b>64.622.821.89 7</b>	<b>-</b>	<b>64.622.821.89 7</b>

(\*): Công ty góp vốn bằng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), một Công ty liên doanh được thành lập tại Lạng Sơn có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4,050,000.00 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám Công đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào trong quá trình thực hiện dự án liên doanh nên không trích lập dự phòng.

## 13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòn g	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòn g	Giá trị hợp lý
Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lạng Sơn	200.000.00 0	-	200.000.00 0	200.000.00 0	-	200.000.00 0
<b>Cộng</b>	<b>200.000.00 0</b>	<b>-</b>	<b>200.000.00 0</b>	<b>200.000.00 0</b>	<b>-</b>	<b>200.000.00 0</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

Nội dung	Năm trước	Năm nay
Số dư đầu kỳ (1)	288.829.017	735.384.721
Số phát sinh trong năm (2)	2.379.546.209	79.046.368
Số phân bổ trong năm (3)	(761.765.931)	(525.602.072)
<b>Số cuối kỳ (4) = (1) + (2) + (3)</b>	<b>1.906.609.295</b>	<b>288.829.017</b>

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.844.548.933	288.829.017
Chi phí sửa chữa	44.778.635	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.281.727	-
<b>Cộng</b>	<b>1.906.609.295</b>	<b>288.829.017</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>2.435.057.505</b>	<b>2.138.646.317</b>
Công ty TNHH Mậu dịch Thụy Hưng huyện Ninh Minh	1.121.565.319	1.262.449.319
Công ty CP Thương mại và đầu tư xây dựng Dung Linh	398.018.356	-
Đối tượng khác	915.473.830	876.196.998
<b>Cộng</b>	<b>2.435.057.505</b>	<b>2.138.646.317</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết gồm:	Phải nộp	Phát sinh trong năm		Phải nộp
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	117.311.387	502.053.053	572.677.361	46.687.079
Thuế tiêu thụ đặc biệt	132.951.334	434.195.932	528.387.272	38.759.994
Thuế TNDN	50.180.463	-	50.180.463	-
Thuế TNCN	791.051	1.000.000	1.291.051	500.000
Các loại thuế khác	-	18.714.187	18.714.187	-
Phí, lệ phí	-	375.580.000	375.580.000	-
<b>Cộng</b>	<b>301.234.235</b>	<b>1.331.543.172</b>	<b>1.546.830.334</b>	<b>85.947.073</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ và bán hàng chịu thuế suất là 10%.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 55%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong năm được dự tính như bảng sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.372.706.254)	2.219.261.440
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	115.454.979	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.257.251.275)	2.219.261.440
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(1.007.513.881)
Thu nhập tính thuế	-	1.211.747.559
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	-	<b>266.584.463</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	-	-
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	-	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	-	<b>266.584.463</b>

**Thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Phải trả người lao động**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương phải trả	336.713.770	340.766.969
<b>Cộng</b>	<b>336.713.770</b>	<b>340.766.969</b>

<b>18. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</b>			
Chi tiết gồm:	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>129.812.000</b>	-	
Trần Việt Di – Thành viên HĐQT	129.812.000	-	
<b>Phải trả phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>83.657.934</b>	<b>416.961.701</b>	
Phải trả về cổ phần hóa	-	305.756.633	
Đối tượng khác	83.657.934	111.205.068	
<b>Tổng cộng</b>	<b>213.469.934</b>	<b>416.961.701</b>	

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**

**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Lê Như Quỳnh (*)	120.000.000	120.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	-	-

(\*) Là khoản vay ngắn hạn bà Lê Như Quỳnh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/10/2016, lãi suất 0%.

**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nguyễn Kim Hải	-	-	142.000.000	142.000.000
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (*)	64.622.821.897	64.622.821.897	64.622.821.897	64.622.821.897
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.622.821.897</b>	<b>64.622.821.897</b>	<b>64.764.821.897</b>	<b>64.764.821.897</b>

(\*)Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn 4.050.000 USD theo hợp đồng vay tiền số 08-2004/HĐVT, phụ lục hợp đồng vay tiền ngày 27/06/2005. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả.



**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục 02.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

**(\*) Nguồn vốn chủ sở hữu**

Chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thảo Viên	52,78%	15.611.300.000	15.611.300.000
Vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài (*)	27,85%	8.237.600.000	8.237.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	19,37%	5.730.100.000	5.730.100.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>29.579.000.000</b>	<b>29.579.000.000</b>

(\*) Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn; địa chỉ: xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; vốn góp 537.600.000 đồng. Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương; địa chỉ: Khu 2, Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; vốn góp 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn Chính Nghĩa, quốc tịch Đài Loan, vốn góp 7.500.000.000 đồng.

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.957.900	2.957.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.957.900	2.957.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.957.900	2.957.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.957.900	2.957.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.957.900	2.957.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán các sản phẩm rượu	1.468.183.521	2.361.244.844
Doanh thu dịch vụ lữ hành du lịch	4.625.232.995	3.217.430.913
Doanh thu bán hàng hoá	786.186.480	5.642.445.909
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	8.890.595.741	7.049.263.753
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh, khác	279.363.637	382.999.993
<b>Cộng</b>	<b>16.049.562.374</b>	<b>18.653.385.412</b>

<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của các sản phẩm rượu đã bán	1.104.340.985	1.923.947.543
Giá vốn của dịch vụ lữ hành du lịch	3.672.271.933	2.581.500.941
Giá vốn bán hàng hoá	748.125.680	5.349.383.337
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn	7.300.143.836	6.070.297.899
Giá vốn cho thuê địa điểm kinh doanh, khác	26.412.331	192.053.773
<b>Cộng</b>	<b>12.851.294.765</b>	<b>16.117.183.493</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi	930.701.230	1.014.394.080
<b>Cộng</b>	<b>930.701.230</b>	<b>1.014.394.080</b>
<b>4. Chi phí bán hàng</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	994.303.451	414.365.053
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.982.710
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	491.434.409	184.608.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.134.903	120.168.865
Chi phí bằng tiền khác	262.713.941	323.687.527
<b>Cộng</b>	<b>2.293.586.704</b>	<b>1.044.812.270</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.826.435.761	1.957.623.330
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.355.200
Chi phí công cụ dụng cụ	-	4.500.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	293.040.570	222.023.616
Thuế, phí và lệ phí	317.563.352	294.242.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.141.146.037	1.290.902.126
Chi phí bằng tiền khác	297.181.078	637.643.967
<b>Cộng</b>	<b>3.875.366.798</b>	<b>4.409.291.039</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
Chi tiết gồm:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý tài sản cố định	364.102.715	7.500.000
Xử lý công nợ phải trả về cổ phần hóa	305.756.633	-
Tiền bồi thường thu hồi khách sạn Hoa Sim theo quyết định của UBND tỉnh	-	2.983.988.000
Thu nhập khác	123.874.043	1.311.891.849
<b>Cộng</b>	<b>793.733.391</b>	<b>4.303.379.849</b>

7. <b>Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi tiết gồm:		
Hủy NVK do kém chất lượng	11.000.000	-
Nộp phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế TNDN	60.879.221	-
Chi phí khác	54.575.761	180.611.099
<b>Cộng</b>	<b>126.454.982</b>	<b>180.611.099</b>

8. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.372.706.254)	1.952.676.977
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.957.900	2.957.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>(464)</b>	<b>660</b>

(\*) Công ty chưa đại hội cổ đông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.957.900	2.957.900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>2.957.900</b>	<b>2.957.900</b>

## 9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.372.706.254)	1.952.676.977
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.372.706.254)</b>	<b>1.952.676.977</b>
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.372.706.254)	1.952.676.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.957.900	2.957.900
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>(464)</b>	<b>660</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.957.900	2.957.900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.957.900</b>	<b>2.957.900</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ( ĐVT: VND)

### 1. Tiền thu từ đi vay

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.003.500.000	650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.003.500.000</b>	<b>650.000.000</b>

### 2. Tiền trả nợ gốc vay

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay	1.025.500.000	1.827.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.025.500.000</b>	<b>1.827.000.000</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lương	439.368.097	527.476.995
Thưởng, phụ cấp	9.112.000	-
Cổ tức	-	-
<b>Cộng</b>	<b>448.480.097</b>	<b>527.476.995</b>

Giao dịch khác với thành viên chủ chốt và cá nhân có liên quan với thành viên chủ chốt công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
			Năm nay	Năm trước
Bế Ngọc Tú	Thành viên BKS	Tạm ứng	2.066.878.100	-
		Thanh toán tạm ứng	1.915.950.000	-
Bế Thị Thu Hương	Cổ đông góp vốn	Tạm ứng	116.090.900	-
		Thanh toán tạm ứng	114.000.000	-
Đậu Trường Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Thanh toán tạm ứng	2.000.000	-
Trần Việt Di	Thành viên HĐQT	Phải trả khác	129.812.000	-

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Bế Ngọc Tú	Thành viên BKS	Tạm ứng	150.928.100	-

Bế Thị Thu Hương	Cổ đông góp vốn	Tạm ứng	10.590.900	8.500.000
Trần Việt Di	Thành viên HĐQT	Phải trả khác	129.812.000	-
Đậu Trường Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	2.000.000

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**  
Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thảo Viên	Cổ đông góp vốn	Bán hàng	-	757.984.550
		Mua hàng	20.507.000	41.849.545
		Thu tiền bán hàng	21.042.000	736.942.550
		Trả tiền mua hàng	39.196.500	23.159.954

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thảo Viên	Cổ đông góp vốn	Phải thu khách hàng	-	21.042.000
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông góp vốn	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	64.622.821.897	64.622.821.897
		Phải trả vay dài hạn	64.622.821.897	64.622.821.897

**2. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ và bán hàng bao gồm: Bán rượu, dịch vụ lễ hành, nhà hàng, kinh doanh khách sạn...

### ***Khu vực địa lý.***

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn lãnh thổ Việt Nam.

### **3. Số liệu so sánh**

#### **3a. Các sai sót**

Trong năm trước, khoản tạm ứng với số tiền là 10.500.000 đồng công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K – Chi nhánh Đông Bắc đang trình bày trên chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” nhưng theo Thông tư 200/2014/TT- BTC khoản tạm ứng được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”.

Ảnh hưởng của việc trình bày trên đến số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán như sau:

	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu trước điều chỉnh</b>	<b>Các điều chỉnh</b>	<b>Số liệu sau điều chỉnh</b>
<b><i>Bảng cân đối kế toán</i></b>				
Phải thu ngắn hạn khác	136	634.487.419	10.500.000	644.987.419
Tài sản ngắn hạn khác	155	10.500.000	(10.500.000)	-

### **4. Khả năng hoạt động liên tục**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo này.

### **5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 20 tháng 03 năm 2017 công ty đã họp hội đồng quản trị và căn cứ theo biên bản họp hội đồng quản trị số 04/BB-HĐQT đã ra quyết định số 06/QĐ-HĐQT về việc giải thể hoạt động kinh doanh của chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

